

**CÔNG TY TNHH HBL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HBL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HBL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109362858

**3. Ngày thành lập:** 01/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 29, Ngõ 2 Nguyễn Chánh, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                           | 1820     |
| 2.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                      | 2630     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)            | 4610     |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                   | 4620     |
| 5.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                      | 4631     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                  | 4632     |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                    | 4633     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. Bán buôn băng đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh. Bán buôn nhạc cụ. | 4649     |
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)               | 4719     |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                    | 4722     |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                   | 4721     |
| 12. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                  | 5820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)                                                            | 5911 |
| 14. | Hoạt động hậu kỳ<br>Chi tiết:<br>Hoạt động biên tập, truyền băng, đầu đề, phụ đề, giới thiệu phim, video (giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim ...), thuyết minh, đồ họa máy tính, sản xuất các hiệu ứng đặc biệt về chuyên động. | 5912 |
| 15. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                       | 5914 |
| 16. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Trừ xuất bản sách nhạc, bản nhạc, kinh doanh karaoke)                                                                                                                                                             | 5920 |
| 17. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                      | 6201 |
| 18. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                        | 6202 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>- Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.                                                                                                     | 6209 |
| 20. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                        | 6311 |
| 21. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                  | 6312 |
| 22. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                           | 6399 |
| 23. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310 |
| 24. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ hoạt động của phóng viên ảnh – Khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp)                                                                                                                                                              | 7420 |
| 25. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                   | 7722 |
| 26. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết:<br>- Photo, chuẩn bị tài liệu<br>- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác..                                                                                        | 8219 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                               | 8220 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh, trừ hộp báo)                                                                                                                                                     | 8230(Chính) |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá ;<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                         | 8299        |
| 30. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói; Kỹ năng giao tiếp trước công chúng<br>(Trừ dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) | 8559        |
| 31. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9000        |
| 32. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);<br>- Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;                                                                                                               | 9329        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ<br>Chi tiết: Hoạt động tổ chức và phục vụ đám cưới, đám hỏi                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9633        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HOÀNG THỊ THU HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 23/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 101166094

Ngày cấp: 05/09/2014

Nơi cấp: Công an Tỉnh Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T51 K6a, Phường Hà Phong, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 29, Ngõ 2 Nguyễn Chánh, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội